

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1268/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01-10-2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hề;

2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 251/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4214/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 206/4 đường N, Phường H, Quận N, Thành phố H.

- Bị đơn: Bà Hoang L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 4A Wattle Avenue, Dry Creek, South Australia 5094, Australia.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2019 và tại bản tự khai ngày 20/5/2019, nguyên đơn – ông Trần T trình bày:

Ông và bà Hoang L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận N, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 10/02/2017. Trong quá trình chung sống, do khoảng cách địa lý nên cả hai không có điều kiện ở cạnh nhau, bên cạnh đó thời gian tìm hiểu nhau rất ngắn nên khi có mâu thuẫn thì không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm làm cho mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng không thể giải quyết; hiện bà Hoang L đang sinh sống, làm việc ở Úc và không về Việt Nam nữa.

Ông T cho rằng mục đích hôn nhân giữa Ông và bà Hoang L không đạt được nên yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại Giấy đồng ý ly hôn đề ngày 07/8/2019 (đã được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney – Australia chứng thực lãnh sự ngày 07/8/2019), bị đơn - bà Hoang L trình bày:

Bà và ông Trần T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 10/02/2017 của Ủy ban nhân dân Quận N, Thành phố H. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng nảy sinh quá nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết nên Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Trần T và bà Hoang L là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Quận N, Thành phố H, bị đơn có nơi cư trú tại Australia nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 10/02/2017 của Ủy ban nhân dân Quận N, Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần T và bà Hoang L là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn ông Trần T và bị đơn bà Hoang L thì sau khi bà Hoang L trở về Úc để sinh sống và làm việc thì vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn phát sinh thường không được giải quyết kịp thời, bên cạnh đó cả hai hiện đang cư trú ở hai nước khác nhau làm cho mục đích hôn nhân không đạt được.

Ông Trần T cho rằng cuộc sống chung giữa ông và bà Hoang L không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn để cả hai ổn định cuộc sống riêng và bà Hoang L cũng đồng ý, Hội đồng xét xử xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của cả hai đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Trần T và bà Hoang L khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần T.

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Trần T được ly hôn với bà Hoang L

- Về con chung, tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Trần T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2018/0013122 ngày 02/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông T không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Trần T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Hoang L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.H;
- VKSND cấp cao tại Tp.H;
- VKSND Tp.H;
- Cục THA dân sự Tp.H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND Quận 5, Tp.H;
- Sở Tư pháp Tp.H;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HSVA, VT.

Đặng Thị Bích Loan